

Bản án số: 180/2020/HS-PT
Ngày: 05-8-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình

Các Thẩm phán: 1. Ông Y Thông Kbuôr
2. Bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Cầu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 150/2020/TLPT-HS ngày 16/6/2020, đối với bị cáo Thái Nguyễn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” và bị cáo Nguyễn Phi H về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2020/HS-ST ngày 04/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Thái Nguyễn T - Sinh năm: 1993 tại tỉnh Nghệ An.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm M, xã L, huyện T, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Nguyễn B, sinh năm 1963 và bà Lê Thị L; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Y, sinh năm 1992 và có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Tại Bản án số 89/2012/HSST ngày 14/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt bị cáo Thái Nguyễn T 10 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đã chấp hành xong hình phạt vào ngày 28/12/2012 và đã được xóa án tích; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Phi H - Sinh năm: 1986, tại Đồng Nai.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ M, Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: Đường Đ, phường P, Thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Phụ xe; trình độ học vấn: 3/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị

Ánh T; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn các bị cáo Chu Văn B, Nguyễn Văn H1, Trần Đức T1, nhưng không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 10/2017, do không có việc làm, không có nguồn thu nhập và muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên Chu Văn B và Nguyễn Văn H1 rủ nhau trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khoảng tháng 11/2017, B dùng điện thoại di động hiệu Nokia số thuê bao 0942.383xxx, liên lạc với Trần Đức T1, theo số điện thoại di động thuê bao 0974.405.xxx, để bàn bạc thỏa thuận về việc nhóm B trộm cắp xe mô tô rồi chuyển cho T1 tiêu thụ. Đầu tháng 12/2017, Thái Nguyễn T và các đối tượng H2 (tên gọi khác: Đen), T2 (chưa xác định nhân thân, lai lịch) từ tỉnh Bình Dương đến tỉnh Đắk Lắk rồi cùng B, H1 thực hiện nhiều vụ trộm cắp xe mô tô tại địa bàn thành phố B và một số huyện thuộc tỉnh Đắk Lắk. Chu Văn B cùng đồng bọn chuẩn bị kế hoạch trộm cắp xe mô tô và bàn bạc, phân công nhiệm vụ của từng người như sau: Khi đi trộm cắp sẽ có từ 2 người đến 4 người mang theo vạm phá khóa, điều khiển xe mô tô chờ nhau đi dọc các tuyến đường, tìm xe mô tô nào dừng ngoài đường, không có người trông coi để trộm cắp; khi đến nơi, 01 người sẽ vào bẻ khóa điện xe mô tô để trộm cắp xe, số còn lại đứng canh giới, nếu có người phát hiện thì thông báo cho đối tượng bẻ khóa biết và chờ nhau chạy tẩu thoát; sau khi trộm cắp được xe mô tô, B hoặc H1 sẽ gọi điện thoại cho Trần Đức T1 để thông báo số lượng, đặc điểm, tình trạng xe mô tô đã trộm cắp rồi thống nhất thỏa thuận giá mua bán xe, hẹn thời gian, địa điểm giao xe; sau đó, nhóm của B, H1 gọi điện thoại đến số thuê bao 0965.643xxx của Nguyễn Phi H (là phụ xe của hãng xe khách CT, LH), Nguyễn Trường T3 (tài xế hãng xe khách HL), chạy tuyến tỉnh Khánh Hòa đi tỉnh Tây Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh để hẹn thời gian, địa điểm thuê vận chuyển xe mô tô vào Bến xe M, Thành phố Hồ Chí Minh giao cho T1. Khi gọi điện thoại nhóm của B không nói cho Nguyễn Phi H, T3 biết là vận chuyển xe mô tô trộm cắp. Sau khi nhận vận chuyển xe mô tô trộm cắp của nhóm Chu Văn B đến Thành phố Hồ Chí Minh, thì Hùng dùng điện thoại số thuê bao 0965.643.xxx gọi điện thoại đến số thuê bao 0974.405xxx của Trần Đức T1 thông báo thời gian giao, nhận xe mô tô trộm cắp. Sau đó, T1 cùng các đối tượng Đ, S (chưa xác định nhân thân, lai lịch) đi xe thô từ huyện Đ, tỉnh Long An đến Bến xe M, Thành phố Hồ Chí Minh để nhận xe trộm cắp do nhóm của B gửi, T1 trả tiền phí vận chuyển xe mô tô là 500.000 đồng/1 chiếc. Sau đó, T1 bán các xe mô tô trộm cắp mua của nhóm của B cho Nguyễn Văn T4 (tên gọi khác: Ba đen, sinh năm: 1979; trú tại: Ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An), để hưởng lợi số tiền là 500.000 đồng/1 chiếc. Sau khi bán xe mô tô, T1 đến Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Đ, tỉnh Long An gửi tiền mua xe mô tô trộm cắp vào tài khoản Ngân hàng Agribank đứng tên Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị Thu N (là vợ của Chu Văn B) và Thái Nguyễn T. Khi nhận được tiền, B, H1 và T rút tiền và chia cho những

người cùng thực hiện hành vi trộm cắp trong từng vụ, đồng thời dùng hết số tiền có được từ việc phạm tội vào việc trả tiền thuê phòng trọ, ăn uống và tiêu xài cá nhân. Sau khi thống nhất kế hoạch trộm cắp xe mô tô như trên, B và H1 tự làm các bộ vạm phá khóa bằng kim loại hình chữ T, có cùng đặc điểm: 02 phần ráp vào với nhau, trong đó, có 01 phần dài khoảng 15cm, ở giữa có hàn một đoạn sắt dài khoảng 03cm, lõm hình lục giác và một phần dài khoảng 07cm có một đầu hình lục giác, đầu còn lại dẹt, để dùng bẻ khóa xe mô tô.

Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2017 đến tháng 11/2018, nhóm Chu Văn B cùng nhau thực hiện nhiều vụ trộm cắp xe mô tô tại các địa bàn thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; huyện L, tỉnh Lâm Đồng và huyện X, tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Sáng ngày 26/10/2017, Chu Văn B điều khiển xe mô tô hiệu Sirius, màu đỏ (không rõ biển số) chở Nguyễn Văn H1 mang theo vạm phá khóa đi trên các tuyến đường thuộc địa bàn thành phố B, mục đích để trộm cắp xe mô tô. Khoảng 06 giờ 20 phút cùng ngày, khi đi ngang qua căn nhà ở đường S, phường T, thành phố B thì B, H1 thấy xe mô tô biển số 47B2-192.xx, nhãn hiệu Yamaha, số loại: Sirius, màu xám đen, số máy: E3X9B127545, số khung: 3240HY050753, của chị Mai Thị Mỹ P (trú tại: đường H, phường A, thành phố B), đang dựng trên vỉa hè trước nhà nhưng không có người trông coi. B chở H1 đến gần xe mô tô rồi đứng cạnh giới, H1 xuống xe đi đến dứt phần dẹt của vạm phá khóa vào ổ khóa điện xe, vặn mạnh theo chiều kim đồng hồ thì thấy đèn mo xe bật lên. H1 điều khiển xe mô tô trộm cắp được, B điều khiển xe đi theo sau H1 chạy tẩu thoát. Sau đó B, H1 đem xe mô tô biển số 47B2-192.xx xuống thị xã N, tỉnh Khánh Hòa bán cho 01 nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 7.000.000 đồng. Số tiền có được từ việc bán xe, B và H1 chia nhau tiêu xài cá nhân hết. Ngày 26/10/2017 chị Mai Thị Mỹ P làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 222/KLĐG, ngày 09/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận: Xe mô tô biển số 47B2-192.xx, nhãn hiệu Yamaha, số loại: Sirius, màu xám đen, số máy: E3X9B127545, số khung: 3240HY050753, trị giá: 13.700.000 đồng. Quá trình điều tra xác định: Xe mô tô biển số 47B2-192.xx, là tài sản của chị Mai Thị Mỹ P, chưa thu hồi được, chị P yêu cầu Chu Văn B, Nguyễn Văn H1 phải bồi thường trị giá xe với số tiền là 13.700.000 đồng.

Vụ thứ hai: Chiều ngày 22/12/2017, đối tượng tên H2 (chưa xác định nhân thân, lai lịch) điều khiển xe mô tô hiệu Sirius, màu đỏ (không rõ biển số) chở Thái Nguyễn T và Chu Văn B mang theo vạm phá khóa đi trên các tuyến đường thuộc địa bàn thành phố B để trộm cắp xe mô tô. Khoảng 15 giờ cùng ngày, khi đi ngang qua Bệnh viện C, địa chỉ đường T, phường T, thành phố B, thì H2, T và B thấy có nhiều xe mô tô dựng trong bãi giữ xe của Bệnh viện, không có người trông coi. H2 dừng xe mô tô ngoài đường, đứng cạnh giới, B và T đi vào bãi giữ xe của Bệnh viện. Khi đến nơi, B dứt phần dẹt của vạm phá khóa vào ổ khóa điện xe mô tô biển số 47D1-324.xx, nhãn hiệu: Yamaha, số loại: Sirius, màu đỏ - đen, số máy: E3X9E027873, số khung: RLCUE3220GY009024, của anh Trần Xuân Q (sinh

năm: 1994; trú tại: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk), vận mạnh theo chiều kim đồng hồ thì thấy đèn mo xe bật lên. Sau khi phá được ổ khóa xe, B đưa vạm phá khóa cho T và T đứt phần dẹt của vạm phá khóa vào ổ khóa điện xe mô tô biển số 47H1-442.xx, nhãn hiệu: Honda, số loại: Wave, màu đỏ - đen bạc, số máy: JA39E0043517, số khung: RLHJA3908HY043455, của ông Y H Niê (sinh năm: 1964; trú tại: Buôn S, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk), vận mạnh theo chiều kim đồng hồ thì thấy đèn mo xe bật lên. Sau khi phá được ổ khóa điện của xe, T lấy 02 mũ bảo hiểm đang được treo trên xe bỏ xuống nền bãi giữ xe rồi đưa lại vạm phá khóa cho B cất giữ. B điều khiển xe mô tô biển số 47D1-324.xx và T điều khiển xe mô tô biển số 47H1-442.xx chạy tẩu thoát. Sau đó, B gọi điện thoại cho Trần Đức T1 thông báo số lượng, đặc điểm, tình trạng xe mô tô trộm cắp và thống nhất giá mua bán 02 xe mô tô trộm cắp là 13.000.000 đồng. Sau đó B, T điều khiển 02 xe mô tô trộm cắp xuống tỉnh Khánh Hòa thuê xe ô tô khách (không nhớ biển số, hãng xe) chở vào Bến xe M, Thành phố Hồ Chí Minh giao cho T1. T1 trả tiền phí vận chuyển xe là 1.000.000 đồng/2 chiếc, rồi cùng với Đ, S (chưa xác định nhân thân, lai lịch) điều khiển 02 xe mô tô trộm cắp về huyện Đ, tỉnh Long An giao cho Nguyễn Văn T4 (sinh năm: 1979, hiện đã chết). T4 đưa cho T1 số tiền 15.000.000 đồng. Sau khi nhận được xe, T4 đem 02 xe mô tô này sang Campuchia bán cho 01 nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch), Cơ quan điều tra không thu giữ được. Số tiền T4 đưa cho T1, thì T1 chuyển 13.000.000 đồng qua chủ tài khoản Ngân hàng Agribank đứng tên Nguyễn Văn H1. Sau đó H1 rút tiền mua bán xe mô tô trộm cắp rồi đưa lại cho B, T và H1 tiêu xài cá nhân hết. Sau khi bị trộm cắp xe, ông Y H Niê và anh Trần Xuân Q đã trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 27/KLĐG, ngày 30/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 xe mô tô biển số 47H1-442.xx, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu đỏ đen bạc, số máy: JA39E0043517, số khung: RLHJA3908HY043455, trị giá: 19.000.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 47D1-324.xx, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu đỏ đen, số máy: E3X9E027873, số khung: RLCUE3220GY009024, trị giá: 18.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là: 37.000.000 đồng.

Ông Y H Niê yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 19.000.000 đồng (là trị giá xe mô tô bị trộm cắp); anh Trần Xuân Q yêu cầu bồi thường số tiền 18.000.000 đồng (là trị giá xe mô tô của anh Q bị trộm cắp).

Vụ thứ ba: Sáng ngày 25/12/2017, Chu Văn B điều khiển xe mô tô hiệu Sirius, màu đỏ (không rõ biển số) chở Nguyễn Văn H1 và Thái Nguyễn T điều khiển xe mô tô hiệu Exciter 150, màu đỏ đen (không rõ biển số) chở Đen (chưa xác định lai lịch) đi trên các tuyến đường tại địa bàn thành phố B, để trộm cắp xe mô tô. Khoảng 10 giờ cùng ngày, khi đi ngang qua quán cà phê S, địa chỉ: Đường T, phường T, thành phố B, thì B, H1, T và Đ thấy xe mô tô biển số 47L1-161.xx, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu trắng đỏ, số máy: G3D4E131492, số khung: 0610FY118879, của anh Bùi Văn V (sinh năm: 1996; trú tại: Thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk) dựng trên vỉa hè trước quán cà phê không có người trông coi. B, H1, T đứng ngoài cảnh giới, còn Đ đi đến chỗ dựng xe mô tô biển số 47L1-

161.xx, dùng tay đầu nối dây điện xe, đề nổ máy rồi điều khiển xe mô tô tẩu thoát. B, H1 và T điều khiển xe mô tô chạy theo Đ đến khu vực bùng binh vòng xoay đường vành đai 10/3 (hướng về huyện M) thuộc phường A, thành phố B thì xe mô tô trộm cắp bị tắt máy, không đề nổ được. Do sợ xe mô tô trộm cắp có hệ thống định vị và bị phát hiện nên B, H1, T và Đ bỏ lại xe mô tô đã trộm cắp tại đây rồi chờ nhau chạy tẩu thoát. Khoảng 11 giờ cùng ngày, ông Nguyễn Tấn S, là người bán quán nước ở vòng xoay đường vành đai 10/3) phát hiện xe Mô tô biển số 47L1-161.xx, để phía trước quán nước nên giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 07/KLĐG, ngày 29/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: Xe mô tô biển số 47L1-161.xx, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu trắng đỏ, số máy: G3D4E131492, số khung: 0610FY118879, trị giá: 37.500.000 đồng. Quá trình điều tra xác định: Xe mô tô biển số 47L1-161.xx là của anh Bùi Văn V. Ngày 21/11/2018 Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô cho anh V nhận quản lý, sử dụng.

Vụ thứ tư: Ngày 28/12/2017, Nguyễn Văn H1 điều khiển xe mô tô hiệu Sirius, màu đỏ (không rõ biển số) chở Chu Văn B và Thái Nguyễn T điều khiển xe mô tô hiệu Exciter 150, màu đỏ đen chở H2 (chưa xác định nhân thân, lai lịch) mang theo vạm phá khóa đi trên các tuyến đường tại địa bàn thành phố B, để trộm cắp xe mô tô. Khoảng 15 giờ cùng ngày, khi đi ngang qua tiệm Net H, địa chỉ: Đường T, phường T, thành phố B thì B, H1, T và H2 thấy xe mô tô biển số 36D1-353.xx, hiệu Honda Wave Anpha, màu trắng đen bạc, số máy: HC12E7125612, số khung: RLHHC1254FY125571, của anh Lê Phương T (sinh năm: 1997; trú tại: Đường T, phường T, thành phố B), đang dựng trên vỉa hè trước tiệm Net H, không có người trông coi. B, H1, T dừng xe ngoài đường cảnh giới, còn H2 đi bộ qua đường, đến chỗ dựng xe mô tô biển số 36D1-353.xx, dùng vạm phá khóa phá ổ khóa điện nhưng do lúc này có đông người sợ bị phát hiện nên H2 dứt vạm phá khóa vào túi rồi đi đến chỗ B, H1 và T đứng nói cho cả bọn biết là đã bẻ được khóa xe. B, H1, T và H2 đứng đợi một lúc, thấy không còn ai qua lại thì H1 đi bộ qua đường, đến chỗ dựng xe mô tô biển số 36D1-353.xx, đề nổ máy chạy tẩu thoát. Sau đó, H1 gọi điện cho Trần Đức T1 thông báo số lượng, đặc điểm, tình trạng xe mô tô trộm cắp và thống nhất giá mua bán xe mô tô trộm cắp với Tú là 6.000.000 đồng. H1 điều khiển xe mô tô trộm cắp xuống thị xã N, tỉnh Khánh Hòa thuê ông Nguyễn Trương T, sinh năm: 1980, trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Khánh Hòa, là tài xế xe ô tô khách biển số 79B-020.xx, của nhà xe HL, để vận chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh, giao cho T1, với giá 250.000 đồng (ông T3 không biết chiếc xe này do các bị cáo trộm cắp mà có). Sau khi giao xe mô tô biển số 36D1-353.xx cho ông T3 thì H1 đón xe ô tô khách quay lại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; còn ông T3 chở xe mô tô khi đi đến địa bàn xã D, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa thì bị Công an thị xã N, tỉnh Khánh Hòa phát hiện, tạm giữ xe mô tô biển số 36D1-353.xx rồi bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý theo thẩm quyền.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 03/KLĐG, ngày 10/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: Xe mô tô biển số

36D1-353.xx, nhãn hiệu Honda, số loại Wave anpha, màu trắng đen bạc, số máy: HC12E7125612, số khung: RLHHC1254FY125571, trị giá: 11.300.000 đồng. Quá trình điều tra xác định: Xe mô tô biển số 36D1-353.xx, là tài sản của anh Lê Phương T. Ngày 22/11/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe mô tô cho anh T nhận quản lý, sử dụng.

Vụ thứ năm: Trưa ngày 24/02/2018, H2 (chưa xác định nhân thân, lai lịch) điều khiển xe mô tô hiệu Exciter 150, màu đỏ đen (không rõ biển số) chở Chu Văn B và N (chưa xác định nhân thân, lai lịch) điều khiển xe mô tô chở T5 (chưa xác định nhân thân, lai lịch) đi trên các tuyến đường tại địa bàn thành phố B để trộm cắp xe mô tô. Sau đó B, H2, T5 và N đến quán BN ở Buôn A, thuộc phường T, thành phố B ăn nhậu. Khoảng 13 giờ cùng ngày, sau khi nhậu xong, B, H2, T5 và N ra bãi giữ xe quán BN để lấy xe đi về thì phát hiện xe mô tô biển số 47S1-132.xx, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu trắng đen đỏ, số máy: G3D4E364029, số khung: 0610GY346937, của anh Nguyễn Văn V (sinh năm: 1990; trú tại: Thôn B, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk) là khách đến nhậu, dựng trong bãi giữ xe nhưng không có người trông coi, nên B, H2, T5 và N rủ nhau trộm cắp xe mô tô này. B, T5, N đứng cạnh giới, H2 cúi xuống, dùng tay đấu nối dây điện rồi trộm cắp xe mô tô này chạy tẩu thoát. Trên đường tẩu thoát, H2 giao xe mô tô trộm cắp cho N đem đi cất giấu, còn lại B, T5 và H2 tiếp tục đi trộm cắp xe mô tô.

Quá trình điều tra Trần Đức T1 khai nhận: Sau khi nhận xe mô tô biển số 47S1-132.xx do nhóm Chu Văn B trộm cắp chuyển xuống thì T1 đã bán cho Nguyễn Văn T4 rồi T4 mang xe sang Campuchia bán cho 01 người nam thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch), Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 222/KLĐG, ngày 09/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: Xe mô tô biển số 47S1-132.xx, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu trắng đen đỏ, số máy: G3D4E364029, số khung: 0610GY346937, trị giá: 30.000.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Sau khi trộm cắp xe mô tô biển số 47S1-132.xx (vụ thứ năm), H2 (chưa xác định nhân thân, lai lịch) mang theo vạm phá khóa và điều khiển xe mô tô hiệu Exciter 150, màu đỏ đen (không rõ biển số) chở Chu Văn B và T5 (chưa xác định nhân thân, lai lịch) điều khiển xe mô tô hiệu Exciter 150 màu đỏ (không rõ biển số) đi một mình tiếp tục đi trên các tuyến đường tại địa bàn thành phố B. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi ngang qua quán ST địa chỉ: Đường T, phường A, thành phố B, thì B, H2 và T5 thấy xe mô tô biển số 47B2-185.xx, nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, màu đen đỏ, số máy: JA38E0076742, số khung: RLHJA3812GY032637 của anh Nguyễn Văn T (sinh năm: 1996, trú tại: Tổ dân phố M, phường K, thành phố B) dựng trên vỉa hè trước quán nhậu không có người trông coi. B, T5 đứng ngoài đường cạnh giới, H2 đi đến chỗ dựng xe mô tô biển số 47B2-185.xx dùng vạm phá khóa mở ổ khóa điện thì thấy đèn mo xe bật lên và điều khiển chiếc xe này chạy tẩu thoát. Sau đó, nhóm của B gọi điện cho Trần Đức T1 thông báo số lượng, đặc điểm, tình trạng xe mô tô trộm cắp và thống nhất giá mua bán xe mô tô biển số 47B2 -185.xx và xe mô tô biển số 47S1-132.xx

(vụ thứ năm) với số tiền 13.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận giá cả xong, B gọi điện thoại cho Nguyễn Phi H qua số thuê bao 0965.643xx (là phụ xe của hãng xe khách LH), thỏa thuận địa điểm giao nhận hai xe mô tô là tại ngã ba Thành, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Khi gọi điện thoại thì nhóm Chu Văn B không nói cho Nguyễn Phi H biết là xe trộm cắp, chỉ đến khi giao nhận xe mô tô Nguyễn Phi H mới biết rõ xe mô tô là do nhóm Chu Văn B trộm cắp mà có, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên H đã đồng ý vận chuyển 02 xe mô tô trộm cắp từ tỉnh Khánh Hòa đến Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Trần Đức T1. Sau khi nhận 02 xe mô tô trộm cắp T1 trả tiền cước vận chuyển cho H là 1.000.000 đồng/02 xe mô tô, rồi T1 cùng với các đối tượng Đ, S (chưa xác định nhân thân, lai lịch) điều khiển 02 xe mô tô trộm cắp về huyện Đ, tỉnh Long An bán cho Nguyễn Văn T4 với giá 15.000.000 đồng. T4 bán 02 xe mô tô này cho 01 nam thanh niên ở Campuchia nên Cơ quan điều tra chưa thu giữ được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 222/KLĐG, ngày 09/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: Xe mô tô biển số 47B2-185.xx, nhãn hiệu HONDA WAVE RSX, màu đen đỏ, số máy: JA38E0076742, số khung: RLHJA3812GY032637, trị giá: 13.300.000 đồng.

Vụ thứ bảy: Trưa ngày 02/3/2018, T5 (chưa xác định nhân thân, lai lịch) điều khiển xe mô tô hiệu Exciter 150 màu đỏ đen (không rõ biển số) chở Chu Văn B và H2 (chưa xác định nhân thân, lai lịch) mang theo vạm phá khóa đi trên các tuyến đường tại địa bàn thành phố B để trộm cắp xe mô tô. Khi đi ngang qua cửa hàng nội thất QT (địa chỉ: Đường B, thôn 9, xã H, thành phố B), thì B, T5 và H2 thấy xe mô tô biển số 47K1-239.xx, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đen, số máy: E3X9E173425, số khung: 3240HY067522 của anh Lê Hoàng Anh N (sinh năm: 1996, trú tại: Đường C, phường L, thành phố B), dựng trên vỉa hè trước cửa hàng không có người trông coi. T5, B đứng ngoài đường cảnh giới còn H2 đi đến gần xe mô tô trên dùng vạm phá khóa phá ổ khóa điện rồi H2 nổ máy điều khiển xe mô tô trộm cắp chạy tẩu thoát. B gọi điện cho Trần Đức T1 thông báo đặc điểm, tình trạng xe mô tô trộm cắp và thống nhất giá mua bán xe Mô tô biển số 47K1-239.xx, với số tiền 6.000.000 đồng. Sau đó nhóm của B gọi điện thoại cho Nguyễn Phi H thỏa thuận địa điểm giao nhận xe mô tô là tại ngã ba Thành, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Khi gọi điện thoại thì nhóm của Chu Văn B không nói cho Nguyễn Phi H biết là xe trộm cắp. Khi giao nhận xe H biết rõ xe mô tô là do nhóm B trộm cắp mà có nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đã đồng ý vận chuyển xe mô tô trộm cắp từ tỉnh Khánh Hòa đến Thành phố Hồ Chí Minh, giao cho Trần Đức T1. Sau khi nhận xe mô tô trộm cắp T1 trả tiền cước vận chuyển cho H là 500.000 đồng/01 xe. Sau đó T1 điều khiển xe mô tô trộm cắp về huyện Đ, tỉnh Long An bán cho Nguyễn Văn T4 với số tiền 7.000.000 đồng và T4 bán xe mô tô này cho 01 nam thanh niên ở Campuchia, nên Cơ quan điều tra chưa thu giữ được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 222/KLĐG, ngày 09/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: Xe mô tô biển số 47K1-239.xx, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đen, số máy: E3X9E173425, số khung: 3240HY067522, trị giá: 13.500.000 đồng.

Vụ thứ tám: Trưa ngày 06/3/2018, Thái Nguyễn T điều khiển xe mô tô hiệu Exciter 150, màu đỏ đen (không rõ biển số) chở Chu Văn B (mang theo văm phá khóa) đi trên các tuyến đường tại địa bàn thành phố B. Khi đi ngang qua cửa hàng gạch men TH, địa chỉ: Đường YM, phường T, thành phố B, thì nhìn thấy xe mô tô biển số 47B1-873.xx, nhãn hiệu HONDA WAVE, màu xanh đen bạc, số máy: HC12E5608404, số khung: RLHHC1216DY608330 của chị Nguyễn Thị Ánh N (sinh năm: 1980, trú tại: Đường P, phường C, thành phố B), dựng trên vỉa hè trước cửa hàng không có người trông coi. T đứng ngoài đường cảnh giới, còn B đi đến chỗ dựng xe mô tô biển số 47B1-873.xx, dứt phần dẹt của văm phá khóa vào ổ khóa điện, vặn mạnh theo chiều kim đồng hồ thì thấy đèn mo xe bật lên, B trộm cắp xe này chạy tẩu thoát. B gọi điện cho Trần Đức T1 thông báo đặc điểm, tình trạng xe mô tô trộm cắp và thông nhất giá mua bán xe mô tô biển số 47B1-873.xx số tiền là 6.000.000 đồng. Sau đó B gọi điện thoại cho Nguyễn Phi H thỏa thuận địa điểm giao nhận hai xe mô tô tại ngã ba Thành, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Khi gọi điện thoại nhóm của B không nói cho Nguyễn Phi H biết là xe trộm cắp. B điều khiển xe mô tô trộm cắp biển số 47B1-873.xx, T điều khiển xe mô tô hiệu Exciter 150, màu đỏ đen (không rõ biển số) chạy đến địa điểm giao xe mô tô trộm cắp cho Nguyễn Phi H. Khi nhận xe mô tô H biết rõ xe mô tô là do nhóm Chu Văn B trộm cắp mà có nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đã đồng ý vận chuyển xe mô tô trộm cắp từ tỉnh Khánh Hòa đến Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Trần Đức T1. Sau khi nhận xe mô tô trộm cắp T1 trả tiền cước vận chuyển cho H là 500.000 đồng/01 xe (số tiền này H đã tiêu xài cá nhân hết). Sau đó, T2 điều khiển xe mô tô trộm cắp về huyện Đ, tỉnh Long An bán cho Nguyễn Văn T4 với giá 7.000.000 đồng. T4 bán xe mô tô này cho 01 nam thanh niên ở Campuchia nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 222/KLĐG, ngày 09/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: Xe mô tô biển số 47B1-873.xx, nhãn hiệu HONDA, WAVE, màu xanh đen bạc, số máy: HC12E5608404, số khung: RLHHC1216DY608330, trị giá 13.000.000 đồng.

Vụ thứ chín: Khoảng 07 giờ ngày 09/5/2018, Nguyễn Văn H (chưa xác định nhân thân, lai lịch) điều khiển xe mô tô hiệu Exciter 150 (không có biển số) chở Chu Văn B và L (chưa xác định nhân thân, lai lịch) mang theo văm phá khóa đi từ thành phố N, tỉnh Khánh Hòa đến tỉnh Lâm Đồng để trộm cắp xe mô tô. Trên đường đi, cả bọn mua 01 can xăng 05 lít, với mục đích là đổ vào xe mô tô trộm cắp được để điều khiển xuống thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, tiêu thụ. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, khi đi ngang qua đám cưới ở thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, H2, B và L thấy nhiều xe mô tô dựng trong sân nhà người dân gần đám cưới. H2 dừng xe ngoài đường cảnh giới, còn B và L đi vào bên trong sân nhà dân trên để trộm cắp xe mô tô. B đứng cách xe mô tô biển số 49E1-416.xx, khoảng 05 mét, cảnh giới. L đi vào quan sát thấy xe mô tô biển số 49E1-416.xx, nhãn hiệu Yamaha Exciter 150, màu trắng đỏ, số máy: 158692, số khung: 146084 của ông K (sinh năm: 1966; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng) là khách đến dự đám cưới, không có người trông coi. L dứt đầu dẹt văm phá khóa ổ khóa điện xe và bẻ khóa rồi đưa lại văm phá khóa cho B giữ. Ngay lúc này, chị C và anh Y, từ

trong nhà đi ra phát hiện và tri hô. Khi thấy bị phát hiện, L nổ máy xe mô tô biển số 49E1-416.xx, tăng tốc bỏ chạy thoát được còn B chạy bộ đến gần xe mô tô của H2 thì bị anh Y đuổi theo bắt giữ cùng tang vật là vạm phá khóa hình chữ T, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen số imei 1: 357318085684566, số imei 2: 357318087862061, 03 chìa khóa xe và 01 can nhựa màu trắng 05 lít, còn H2 điều khiển xe mô tô chạy thoát.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 20/KLĐG ngày 09/5/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L, tỉnh Lâm Đồng, kết luận: Xe mô tô biển số 49E1-416.xx, nhãn hiệu Yamaha, số loại: Exciter 150, màu trắng đỏ, số máy: 158692, số khung: 146084, trị giá: 36.400.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Xe mô tô biển số 49E1-416.xx, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter 150, màu trắng đỏ là của ông K. Ngày 11/7/2018 Chu Văn B đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại số tiền 40.000.000 đồng cho ông K. Sau khi nhận tiền bồi thường ông K đã làm đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Chu Văn B.

Vụ thứ mười: Ngày 31/10/2018, Thái Nguyễn T điều khiển xe mô tô biển số 37P1-534.xx, nhãn hiệu Honda, AIRBLADE, màu đen bạc đến thị xã D, tỉnh Bình Dương chơi thì gặp Q (chưa xác định nhân thân, lai lịch). T, Q rủ nhau đến địa bàn huyện X, tỉnh Đồng Nai trộm cắp xe mô tô. Sáng ngày 01/11/2018, T điều khiển xe mô tô biển số 37P1-534.xx chở Q (mang theo vạm phá khóa) từ thị xã D, tỉnh Bình Dương đến huyện X, tỉnh Đồng Nai để trộm cắp xe mô tô. Khoảng 09 giờ cùng ngày, khi T, Q đi ngang qua quán cháo lòng ở Khu phố T, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai thì thấy xe mô tô biển số 60B5-642.xx, nhãn hiệu Honda Wave A, màu trắng đen bạc, số máy: HC12E7224051, số khung: 1259FY224001 của anh Văn P (sinh năm: 1994; trú tại: Thôn S, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai) dựng trên vỉa hè gần quán cháo lòng, không có người trông coi. T dừng xe ngoài đường cảnh giới, Q đi đến chỗ dựng xe mô tô biển số 60B5-642.xx, dứt đầu dẹt vạm phá khóa vào ổ khóa điện, bẻ khóa rồi trộm cắp xe mô tô này chạy tẩu thoát về thị xã D, tỉnh Bình Dương. Sau đó Q một mình đem xe mô tô trộm cắp đi bán được 3.000.000 đồng cho một người (không rõ lai lịch) nên Cơ quan điều tra chưa thu giữ được. Số tiền có từ việc trộm cắp Q, T chia đều mỗi người được 1.500.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2020/HS-ST ngày 04/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Thái Nguyễn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và bị cáo Nguyễn Phi H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Thái Nguyễn T 06 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày có quyết định thi hành án. Được khấu trừ thời gian đã tạm giữ và tạm giam từ ngày 16/11/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phi H 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phạt các bị cáo: Chu Văn B 09 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn H1 06 năm tù và Trần Đức T1 05 năm tù, về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; quyết định về xử lý vật chứng, về bồi thường thiệt hại, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Trong vụ án này, đối với Nguyễn Văn T4 (tên gọi khác: Ba đen), là người mua lại các xe mô tô trộm cắp từ Trần Đức T1, nhưng T4 đã chết vào ngày 18/10/2018, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý; đối với các đối tượng tên là H2 (Đen), T5, N, Nguyễn Văn H, L và Q, là những người tham gia trộm cắp xe mô tô cùng các bị cáo và các đối tượng tên Đ, S, là người cùng với bị cáo Trần Đức T1 điều khiển xe mô tô trộm cắp từ Bến xe M, Thành phố Hồ Chí Minh về huyện Đ, tỉnh Long An để bán cho Nguyễn Văn T4. Hiện Cơ quan điều tra chưa xác minh được nhân thân, lai lịch của các đối tượng này nên đã tách hành vi của các đối tượng này ra để tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau. Đối với ông Nguyễn Trường T3 (tài xế hãng xe khách HL), là người nhận chở thuê xe mô tô biển số 36D1-353.xx do các bị cáo trộm cắp ngày 28/12/2017, nhưng ông T3 không biết xe mô tô này là tài sản do trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với hành vi của ông T3. Đối với chị Nguyễn Thị Thu N (vợ của bị cáo Chu Văn B), là người đưa thẻ ATM đứng tên mình cho B sử dụng, sau đó bị cáo B dùng thẻ này để giao dịch nhận tiền bán xe từ Trần Đức T1, quá trình điều tra xác định chị N không biết việc B trộm cắp xe mô tô và dùng thẻ ATM đứng tên chị N để giao dịch nhận, rút tiền. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị Nguyễn Thị Thu N.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/5/2020, bị cáo Nguyễn Phi H kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo; ngày 11/5/2020, bị cáo Thái Nguyễn T kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo Thái Nguyễn T và Nguyễn Phi H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đã khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Thái Nguyễn T, về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và xét xử bị cáo Nguyễn Phi H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự, là có căn cứ và đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, về mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Thái Nguyễn T là 06 năm tù và Nguyễn Phi H 02 năm 06 tháng tù, là có phần nghiêm khắc. Bởi vì: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T có ông nội và ông ngoại là người có công với Cách mạng; đồng thời sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới là: Bị cáo T đã tác động gia đình nộp số tiền 5.000.000 đồng tại Cơ quan

thi hành án dân sự để bồi thường thiệt hại; bị cáo H đã tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính theo bản án đã tuyên và tiền án phí hình sự sơ thẩm, nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thái Nguyễn T và chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phi H, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Thái Nguyễn T từ 05 năm 03 tháng đến 05 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phi H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo Thái Nguyễn T và Nguyễn Phi H không tranh luận bào chữa gì và chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Thái Nguyễn T và bị cáo Nguyễn Phi H tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong thời gian từ ngày 22/12/2017 đến ngày 31/10/2018, bị cáo Thái Nguyễn T đã cùng với Chu Văn B, Nguyễn Văn H1, Trần Đức T1 và các đối tượng chưa rõ nhân thân lai lịch đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản là xe mô tô của người khác (các vụ thứ 2, 3, 4, 8 và 10), bị cáo Thái Nguyễn T cùng các bị cáo khác đã thực hiện hành vi có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ và phân công vai trò của từng người, thể hiện tính có tổ chức khi thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo không có nghề nghiệp gì, liên tục thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài, sinh hoạt hàng ngày và lấy việc phạm tội làm nguồn sống chính, tổng trị giá tài sản chiếm đoạt được là 112.300.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Thái Nguyễn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” với các tình tiết định khung: “*Có tổ chức*”, “*Có tính chất chuyên nghiệp*” và “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng*”, theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự, là có căn cứ và đúng người, đúng tội. Đối với bị cáo Nguyễn Phi H, đã 03 lần thực hiện việc vận chuyển 04 chiếc xe mô tô (trong các vụ 5, 6, 7, 8) đi Thành phố Hồ Chí Minh để giao cho Trần Đức T1 tiêu thụ; khi nhận vận chuyển, bị cáo H biết rõ những tài sản này là do các bị cáo Chu Văn B, Nguyễn Văn H1, Thái Nguyễn T trộm cắp mà có, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo vẫn đồng ý vận chuyển để thu lợi bất chính; giữa bị cáo H với các bị cáo

Chu Văn B, Nguyễn Văn H1, Thái Nguyễn T không có hứa hẹn trước và không sự bàn bạc, thỏa thuận với nhau về việc bị cáo H sẽ vận chuyển xe mô tô mà các bị cáo khác đã trộm cắp để đưa đi tiêu thụ; tổng trị giá tài sản mà bị cáo H tiêu thụ là 69.800.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Phi H về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Đối với kháng cáo của các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Đối với kháng cáo của bị cáo Thái Nguyễn T: Bị cáo đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản là xe mô tô, tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 112.300.000 đồng, bị cáo tham gia phạm tội với vai trò tích cực, nên phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã thực hiện. Tuy nhiên, mức hình phạt 06 năm tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, bởi lẽ: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có ông nội và ông ngoại là người có công với Cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương vì đã có công lao trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; đồng thời sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 5.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại, là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[2.2] Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phi H: Bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do các bị cáo khác phạm tội mà có nhằm thu lợi bất chính, nên bị cáo cũng phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã thực hiện và cần cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định, để đảm bảo việc cải tạo, giáo dục bị cáo, nên kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, xét thấy mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, bởi lẽ bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ là: Đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; mặt khác, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính là 2.000.000 đồng theo như bản án sơ thẩm đã tuyên, để khắc phục hậu quả và nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo và sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thái Nguyễn T và chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phi H; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2020/HS-ST ngày 04/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt đối với bị cáo Thái Nguyễn T và bị cáo Nguyễn Phi H.

Tuyên bố: Bị cáo Thái Nguyễn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Phi H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng: Điểm a, b, c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Thái Nguyễn T 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 16/11/2018.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 323; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phi H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Thái Nguyễn T và bị cáo Nguyễn Phi H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Văn phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục T.H.A.DS Tp. B;
- Cơ quan T.H.A HS Công an Tp. B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình